

Vài nét về tổ chức Giáp trong làng xã cổ truyền đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam qua hương ước (thế kỷ XVII - XIX)¹

Trịnh Thị Hà*

Nhận ngày 19 tháng 9 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 4 tháng 3 năm 2026.

Tóm tắt: Giáp là một trong những tổ chức xã hội phổ biến trong làng xã cổ truyền Việt Nam. Sự tồn tại và hoạt động của Giáp được phản ánh khá đa dạng trong nhiều tục lệ, khoán ước, hương ước của làng xã (gọi chung là Hương ước). Thông qua Hương ước, những quy định liên quan về Giáp ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ như tên gọi, số lượng, điều kiện tham gia, cơ cấu tổ chức và nhất là vai trò của Giáp đối với làng được quy định đầy đủ, cụ thể. Giáp vùng đồng bằng Bắc Bộ, vừa mang những đặc trưng chung cho thiết chế làng xã cổ truyền, tùy thuộc đặc điểm riêng của mỗi làng mà trong cơ cấu tổ chức, vai trò hoạt động lại vừa có nét đặc trưng riêng.

Từ khóa: Giáp, Làng xã, Hương ước, đồng bằng Bắc Bộ.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: Giáp was one of the popular social organizations in traditional Vietnamese villages. The existence and activities of the Giáp were reflected in a wide variety of village customary regulations, contractual conventions, and village codes (collectively referred to as Hương ước - village conventions). Through these village conventions, relevant regulations on Giáp in the villages of the Northern Delta - such as their name, number, conditions for participation, organizational structure, and especially their role in the village community were fully and specifically regulated. The Giáp of the villages of the Northern Delta, it had common characteristics of traditional village institutions, and depending on the specific characteristics of each village, its organizational structure and operational roles also had their own unique characteristics.

Keywords: Giáp, village community, village convention, Northern Delta.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Đồng bằng Bắc Bộ là trung tâm văn hóa của người Việt, đồng thời là nơi sớm hình thành cộng đồng làng xã và xuất hiện các văn bản Hương ước. Chính vì vậy, đời sống chính trị, xã hội, tín ngưỡng, cùng hoạt động của các tổ chức xã hội, đặc biệt là Giáp, và các quan hệ cộng đồng cư dân nơi đây đã sớm được đặt dưới sự điều chỉnh của Hương ước.

Trong thiết chế làng xã cổ truyền Việt Nam, Giáp tồn tại với hai tư cách: vừa là một cấu phần của làng xã người Việt - một loại hình thuộc tổ chức dân cư ở nông thôn tương tự như các tổ chức dân cư khác như thôn, xóm. Đồng thời Giáp vừa là một tổ chức xã hội - một hình thức tổ chức tập hợp theo giới tính, chủ yếu chỉ dành riêng cho nam giới, mà sự tham gia vào Giáp của nam giới luôn theo nguyên tắc tự nguyện cha vào Giáp nào thì con trai sinh ra cũng vào Giáp ấy, không phân biệt tuổi, không phân biệt nơi cư trú theo xóm, ngõ trong làng; giữ vị trí rất quan trọng trong đời sống xã hội của làng xã cổ truyền Việt Nam trong nhiều thế kỷ. Thông qua

¹ Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ: “Hương ước đối với việc quản lý các tổ chức xã hội làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XX”, mã số: KHXH/NV/2025 -21 do TS. Trịnh Thị Hà làm chủ nhiệm.

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: trinhhavsh3012@gmail.com

Hương ước, số lượng Giáp của mỗi làng, điều kiện gia nhập, cơ cấu tổ chức, vai trò của Giáp được quy định khá cụ thể, vừa có điểm tương đồng, vừa có sự khác biệt giữa một số làng, phản ánh sự sinh động trong đời sống tinh thần của người dân nơi thôn quê.

Việc nghiên cứu về Giáp trong làng xã đồng bằng Bắc Bộ đã sớm thu hút sự quan tâm của nhiều học giả. Những vấn đề như tính chất của Giáp (đơn vị hành chính hay tổ chức xã hội), cơ cấu và vai trò của Giáp đã được phản ánh trong các công trình nghiên cứu về thiết chế làng xã trong suốt nhiều thập kỷ. Tác giả Trần Từ trong công trình: “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ” (Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984) đã xem Giáp là một loại hình tổ chức của làng xã tập hợp người theo lớp tuổi; có vai trò trở thành “chiếc cầu nối” giữa chính quyền với các tổ chức “phi chính quyền”. Tác giả Diệp Đình Hoa trong nghiên cứu “Giáp - tổ chức xã hội của giới nam của người Việt ở đồng bằng sông Hồng” (Tập chí Nghiên cứu Lịch sử, số 4, 1998) khẳng định Giáp là một tổ chức xã hội của nam giới; Giáp xuất hiện chính là để hỗ trợ nhau lúc khó khăn, hoạn nạn: “Vì họ sợ nhất là phải sống trong cảnh không ai thăm hỏi, lúc chết không ai khiêng ra đồng”; đồng thời nhấn mạnh Giáp có tính chất là “một hệ thống mở, mang tính đa dạng, đa phương, đa diện”.

Trong hai công trình nghiên cứu: “Tổ chức hành chính và xã hội làng xã thời Lê (thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI)” (Tập chí Nghiên cứu Lịch sử, số 11, 2012) và “Hương ước trong việc quản lý làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX” (Tập chí Nghiên cứu Lịch sử, số 7, 2016), tác giả Vũ Duy Mền đã phân tích khái quát về các tổ chức xã hội phổ biến của làng xã vùng Bắc Bộ từ thế kỷ XV đến đầu thế kỷ XX, trong đó có Giáp. Theo tác giả, cho đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Giáp đã vượt qua chức năng truyền thống khi tham gia vào một số việc hành chính (thuộc chính quyền) giúp Lý trưởng việc thu thuế, bắt lính, sưu dịch vốn thuộc chức năng của bộ máy lý dịch.

Tác giả Nguyễn Tùng trong công trình: “Về tổ chức xã hội ở Việt Nam thời xưa” (Tập chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 7 (203), 2015) lại đi sâu làm rõ cơ sở hình thành, tồn tại của tổ chức Giáp, chủ yếu dựa vào tiền và ruộng đất. Tài sản này do thành viên đóng góp hoặc hiến tặng, được dùng để cho vay, cho thuê ruộng và nguồn thu từ đó phục vụ hoạt động chung như lễ hội, tế tự hay sinh hoạt cộng đồng. Tiếp cận dưới góc độ xã hội dân sự, nhóm tác giả Bế Quỳnh Nga và Nguyễn Trung Kiên trong nghiên cứu: “Đời sống hội nhóm ở nông thôn cổ truyền Bắc Bộ” (Tập chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 2 (99), 2016) trên cơ sở so sánh các tổ chức xã hội đã khẳng định tính chất của Giáp gắn liền với tuổi tác và huyết thống, còn các tổ chức tự nguyện khác lại dựa trên sở thích, nghề nghiệp hoặc đặc điểm chung.

Nhìn chung, các nghiên cứu trên đây tuy chưa phản ánh toàn diện các nội dung của Giáp được đề cập qua Hương ước, nhưng đã trình bày bao quát một số nội dung về khái niệm, tên gọi, nguyên nhân xuất hiện và tính chất, đặc điểm của Giáp... Đây là cơ sở để tác giả vừa kế thừa trong việc triển khai vấn đề nghiên cứu, vừa định hướng cho tác giả cần làm rõ hơn một số nội dung chưa được tìm hiểu sâu: những quy định của Hương ước về cơ cấu tổ chức; trách nhiệm, quyền lợi của người đứng đầu Giáp; vai trò của Giáp được biểu hiện trong từng khía cạnh cụ thể của đời sống kinh tế, xã hội. Từ đó giúp chúng ta có cái nhìn bao quát nhất về Giáp, thấy được sự ảnh hưởng của Giáp cùng với các tổ chức xã hội khác đã có mặt trong hầu hết các góc ngách của cuộc sống thôn làng theo cả chiều dài của thời gian lẫn chiều rộng của không gian sống.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ các vấn đề chính của tổ chức Giáp, nghiên cứu đã vận dụng một số phương pháp cơ bản sau đây: phương pháp nghiên cứu lịch sử kết hợp với phân tích - tổng hợp tư liệu, nhằm làm rõ tổ chức Giáp trong làng xã cổ truyền đồng bằng Bắc Bộ từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX thông qua Hương ước. Các quy định liên quan đến Giáp được đặt trong bối cảnh lịch sử, xã hội

cụ thể trước khi người Pháp can thiệp trực tiếp vào thiết chế làng xã (trước thế kỷ XX) để nhận diện đặc điểm tổ chức, vai trò của tổ chức này trong đời sống làng xã cổ truyền.

Phương pháp nghiên cứu logic được vận dụng để trình bày và phân tích những quy định của Hương ước đối với Giáp - một trong những tổ chức xã hội điển hình làng xã vùng đồng bằng Bắc Bộ về đối tượng, điều kiện tham gia; quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên; mô tả hoạt động của Giáp trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo, phong tục ma chay, giáo dục... nơi làng xã cùng những quy định khác để thấy được vai trò của Hương ước trong việc quản lý các thiết chế xã hội cũng như đời sống xã hội cấp cơ sở.

Bài viết vận dụng phương pháp so sánh nhằm đối chiếu các quy định về Giáp giữa các làng theo từng khía cạnh cụ thể: đối tượng gia nhập, quyền lợi, trách nhiệm của các thành viên Giáp, vai trò của Giáp..., qua đó khẳng định mỗi làng do đặc trưng riêng sẽ có cách thức quản lý riêng đối với tổ chức Giáp. Ngoài ra, bài viết cũng sử dụng phương pháp văn bản học, chủ yếu dùng trong việc giám định loại hình văn bản hương ước thuộc Hương ước cổ (Tục lệ, Hương lệ) hay Hương ước Cải lương. Dựa vào kết cấu, niên đại biên soạn, nội dung được ghi trong từng bản hương ước để xác định, phân loại các văn bản thuộc phạm vi thời gian nghiên cứu phù hợp.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Số lượng và điều kiện gia nhập Giáp

Số lượng: Giáp là một loại hình tổ chức xã hội đặc biệt của nam giới ở làng xã. Các thành viên trong từng Giáp thống nhất với nhau, cùng tạo ra quy ước riêng của Giáp, ghi trong khoán Giáp, hoặc trong Tục lệ, Khoán lệ, Hương ước của làng. Dựa theo các nguồn tài liệu cho thấy, Giáp xuất hiện khá sớm, trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI, nhiều Giáp tồn tại đến khoảng giữa thế kỷ XX do biến đổi của xã hội nên bị giải thể. Tuy nhiên trong nhiều thế kỷ phát triển, tổ chức Giáp thực sự có vai trò quan trọng đối với đời sống xã hội và là tổ chức phổ biến, biểu hiện trước hết *số lượng các Giáp tại các làng khá đông đảo*. Qua khảo sát từ một số văn bản Hương ước làng xã thuộc tỉnh Hưng Yên (gồm Thái Bình, Hưng Yên cũ), Hà Nội, Ninh Bình (Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình) có niên đại thế kỷ XVII - XIX cho thấy:

Số lượng Giáp của các làng dao động chủ yếu từ 1 đến 10 Giáp, trong đó làng Láng (nay là phường Láng, Thành phố (TP) Hà Nội) có 10 Giáp phân bố ở 3 thôn, gồm: Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tam, Giáp Tứ (thôn Thượng); Giáp Vườn, Giáp Trần, Giáp Trung, Giáp Hạ (thôn Trung) và 2 Giáp ở thôn Hạ. Một số làng có từ 7-8 Giáp, tiêu biểu như làng Ngọc Quế (nay là xã Minh Thọ, Hưng Yên); làng Đái Nhân (nay thuộc phường Hoa Lư, Ninh Bình); làng Đông Ngạc (phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội); làng Thượng Cát (nay là phường Thượng Cát, TP. Hà Nội). Chủ yếu nhất là các làng có số lượng từ 2-6 Giáp, phân bố hầu hết ở các làng thuộc tất cả các địa phương, chẳng hạn như làng Khương Thượng (nay là phường Kim Liên), Trung Tự (phường Kim Liên) của Hà Nội đều có 2 Giáp.

Các Giáp có thể có tên gọi hoặc không. Tên của Giáp tùy theo lệ làng mà được đặt theo số thứ tự, theo hướng hoặc kết hợp giữa số thứ tự và phương hướng. Theo lệ xã Trà Tu, huyện Yên Mô (nay là xã Khánh Thượng, Ninh Bình) 4 Giáp được đặt tên là Giáp Nhất, Giáp Nhị, Giáp Tam, Giáp Tứ. Làng Nguyệt Áng (nay là xã Ngọc Hồi, TP. Hà Nội) có 4 Giáp đặt tên theo hướng: Đông, Nam, Bắc, Đoài. Làng Thụy Khuê (xã Quốc Oai, Hà Nội) tên 4 Giáp được gọi là Giáp Tả, Hữu, Khang và Nội...

Một số làng, tên Giáp được đặt kết hợp tên của xóm với số thứ tự như Giáp Ngạc nhất, Ngạc nhị (làng Đông Ngạc, Hà Nội). Chủ yếu Giáp đặt theo tên chữ như Giáp Vệ Nội Đông, Vệ Nội Trung và Liệt Xá (thuộc làng Hành Lạc, xã Như Quỳnh, Hưng Yên), tên nôm của các Giáp này lần lượt là Giáp Cái, Giáp Quý, Giáp Tam. Hay tên các Giáp của làng Đa Giá Hạ (phường Hoa Lư, Ninh Bình) lần lượt là: Đông Nhất, Thọ Khang, Phú Quý, Giáp Đoài Nhị...

Điều kiện vào Giáp: để vào được tổ chức Giáp, mỗi làng sẽ có những quy định riêng nhưng đều theo một nguyên tắc: vào Giáp là tự nguyện, nhất quán, thường cha ở Giáp nào thì con vào Giáp đấy. Những bé trai vừa sinh ra, thường đầy tháng tuổi người cha chuẩn bị đủ số khẩu trầu (trầu đã tằm thành miếng để biếu mỗi thành viên trong Giáp mỗi người một miếng) trình Giáp trưởng hoặc ông Đương cai để ghi tên đưa bé vào sổ hàng Giáp. Khi đưa bé đó đến 18 tuổi thì làm lễ nhập Giáp, chính thức trở thành thành viên của Giáp, được tham gia các việc Giáp và hưởng quyền lợi của Giáp. Theo quy định của làng Hà Lỗ và Hà Hương (nay là xã Đông Anh, TP. Hà Nội) để được vào ngôi Giáp: con trai sinh ra phải nộp 30 quả cau để vào Giáp ngay, bắt đầu “ăn chịu đóng góp” với hàng Giáp (Luu Minh Tri, 2019, t.1: 308). Lệ làng Toàn Thắng, huyện Kim Động (nay là xã Nghĩa Dân, Hưng Yên) quy định: “Trong làng hễ người nào sinh được hay là nuôi được con trai thì phải trình Thủ bạ giáp mình vào sổ Giáp. Đến niên đến mồng hai tháng 7 thì làng hội chọn xem sổ các Giáp, kẻ nào đã đến mười tám tuổi phải vào chính bạ chịu việc quan” (Nguyễn Tá Nhí, 2013: 191).

Ngoài trầu, cau, một số làng yêu cầu phải nộp tiền mới được đăng ký gia nhập vào Giáp. Theo lệ làng Đông Tam Kỳ ghi trong *Giao ước Giáp Đông* (nay là xã Văn Giang, Hưng Yên) nêu rõ điều kiện để vào Giáp của cả đình chính cư, đình ngụ cư. Cụ thể là: “Người nào muốn nhập vào bản Giáp phải nạp *một gói trầu theo đủ số suất* và một quan tiền sử” và lệ này áp dụng cho cả những người từ Giáp khác chuyển sang bản Giáp của thôn. Nếu là “người trưởng thành mới gia nhập Giáp thì chỉ phải nộp tiền thăng bản mỗi bản một mạch tiền cô”; “Nếu là người bản Giáp mà vì cuộc sống khó khăn phải đi kiếm sống, nay trở về quê muốn vào Giáp thì phải nộp 1 gói trầu chiếu đủ số suất” (Đình Khắc Thuần (cb), 2006: 337, 339). Đây là nghĩa vụ bắt buộc trong đời người trai đình sống trong làng.

Một số làng quy định cụ thể thời gian để nam đình chính thức gia nhập vào Giáp. Theo lệ làng Nhị Khê (xã Thường Tín, TP. Hà Nội): trai đình trong làng khi đủ 18 tuổi, đến ngày 10 tháng Giêng phải mang coi trầu chai rượu ra đình làng làm lễ đại kỳ phúc. Sau lễ này, người trai đình mới chính thức được coi là một thanh niên trưởng thành và có quyền tham gia vào một số công việc của làng.

Qua điều khoản của một số làng trên cho thấy, vào Giáp không phải là quy định bắt buộc mà chỉ người nào sau này muốn khao vọng vị thứ, muốn mọi người hàng Giáp chia sẻ việc hiếu hỷ với nhà mình thì mới phải vào hàng Giáp. Vậy thì phạm đã là người trong làng có ai lại không muốn được làng biết đến vị thứ, quan tâm đến gia đình mình khi có việc hiếu hỷ. Thế nên, dù không phải là quy định bắt buộc nhưng việc vào Giáp cũng gần như là một điều đương nhiên đối với những người đã thành đình của làng. Thậm chí đó còn là một vinh dự mà nhiều người muốn có được chứ không hẳn là trách nhiệm.

Trong Giáp, mối quan hệ giữa các thành viên là quan hệ họ hàng, vừa là quan hệ xóm giềng, bởi vậy mới có hiện tượng có Giáp chỉ gồm thành viên của một dòng họ duy nhất (số lượng không phổ biến) như tổ chức Giáp ở xã La Khê (phường Hà Đông, TP. Hà Nội) chỉ có một dòng họ duy nhất họ Ngô. Phổ biến vẫn là tổ chức Giáp có nhiều dòng họ, có thể từ 2-5 dòng họ, thậm chí nhiều hơn.

Hương ước làng Hương Ngải (xã Tây Phương, TP. Hà Nội) cho biết, mỗi Giáp của làng gồm ít nhất 10 gia đình với nhiều dòng họ cùng ở chung trên một địa bàn. Những người trong tổ chức này cùng giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống chủ yếu là “sinh cư, tử táng”... Đó cũng là lý do giải thích hiện tượng hai bé nam sinh ra cùng họ dù chỗ ở không cùng xóm nhưng vẫn vào chung một Giáp. Ngược lại hai người cùng ở một xóm trong làng nhưng vào Giáp theo bố (theo họ) vì họ khác nhau nên vào hai Giáp khác nhau.

3.2. Cơ cấu tổ chức của Giáp

Đứng đầu tổ chức Giáp là một viên *Trưởng giáp*, một số làng gọi là *Trưởng lệnh*, *Giáp chỉ*, hay *Trùm giáp*, *Thủ giáp*; hoặc *Đầu giấy* như cách gọi của làng Hậu Ái (TP. Hà Nội). Lệ làng

Thụy Khuê (TP. Hà Nội) gọi người đứng đầu 4 Giáp của làng là 4 cụ Cả và 4 cụ Tứ hiệu. Trong nghiên cứu, tác giả gọi chung là *Giáp trưởng*.

Số lượng Giáp trưởng tùy thuộc quy định của từng làng, có làng chỉ 1 viên, có làng 2 viên, hoặc nhiều hơn. Thời gian đảm nhận chức Giáp trưởng theo thời hạn nhất định từ 1 năm, 2 hoặc 3 năm. Theo Khoán lệ xã Hòa Tranh (nay là xã Ứng Hòa, TP. Hà Nội) quy định Giáp trưởng chỉ đảm nhận trong thời hạn 1 năm. Nhưng cũng có làng, Giáp trưởng làm việc tận 10 năm như lệ của Giáp Đông thôn Tam Kỳ (Hưng Yên): “Giáp trưởng đủ mười năm trở lên, khi đến 60 tuổi nghỉ thì sau khi trăm tuổi (mất) bản Giáp phúng viếng một con lợn, 1 bình rượu trị giá 1 quan 5 mạch tiền cổ, số tiền này và số tiền riêng nên liệu mua sắm” (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 341).

Lệ chung của các làng, người đảm nhận chức Giáp trưởng thường là những người cao tuổi, có độ tuổi từ 50 trở lên, hoặc là những người có ngôi cao, biết chữ. Một số làng lại cất cử từ những trai đinh đảm nhận. Theo lệ làng Tây Mỗ (Hà Nội), mỗi Giáp của làng có 2 người Giáp trưởng là những trai đinh trong Giáp, cất lượt mỗi người phải làm 2 năm, một người năm trước, 1 người năm sau, nghĩa là mỗi năm lưu lại 1 người đã quen việc để dìu dắt người mới.

Chức vụ của Trưởng giáp là thừa hành hết thảy các công việc hương ẩm ở đình và giáp mình cùng việc ma chay trong Giáp. Theo quy định trong Hương ước làng Ngọc Quế (Hưng Yên): “Người nào đến lượt làm Trùm trưởng thì các tiết thờ cúng Thần, các việc trong bản Giáp đều phải tự đảm nhiệm. Riêng việc ca hát, nếu có sự cố xảy ra thì người thứ dưới làm thay” (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 747). Cũng theo lệ làng này, khi được thăng chức Trùm trưởng thì họ có nghĩa vụ phải nộp cho bản Giáp 7 mạch 48 văn tiền để miễn việc tạp hóa. Trùm trưởng của Giáp có quyền cất cử người đảm nhận chức Trưởng lệnh trong Giáp, hoặc thu tiền lãi từ ruộng “tế điền” để chi vào việc thực hiện các nghi lễ của làng.

Trở thành Giáp trưởng là trở thành người có chức trong làng, có quyền lợi nhất định về kinh tế và địa vị trong xã hội. Thể hiện điều này rõ nhất ở chôn đình trung. Trong vị trí ngôi ngoài đình khi làng có đám, bao giờ Giáp trưởng cũng được ưu tiên hơn. Bên cạnh đó, khi đã lên ngôi Giáp trưởng và “thứ nhì”, họ sẽ được miễn trừ phu dịch, tạp dịch, được làng mừng cho một khoản tiền nhất định để làm chi phí hoặc hưởng phần biểu từ lệ cheo cưới nhiều hơn so với các thành phần khác. Theo quy định Giáp Đông làng Tam Kỳ (Hưng Yên), bản Giáp mừng cho người Giáp trưởng 5 quan tiền sử để giúp việc chi phí. Tuy nhiên, họ cũng phải mời lại bản Giáp bằng chè, rượu trị giá 1 quan tiền cổ (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 337). Theo lệ làng Trà Tu (nay là xã Yên Mô, Ninh Bình): khi thành viên trong Giáp có con gái lấy chồng, đồng thời phải sắm biện lễ vật để biếu các vị chức sắc trong làng và Giáp. Theo đó nếu lấy người ngoài bản xã thì phải đầy đủ xôi gà, trầu rượu và 18 quan thanh tiền, trong đó trình viên Giáp chỉ 1 quan, phó lý 2 quan, bản xã 15 quan; 300 khẩu trầu (dành cho Giáp chỉ 10 khẩu, phó lý 20 khẩu, trình các chức sắc 50 khẩu, bản xã 220 khẩu) (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 567). Theo lệ của nhiều làng, các viên Giáp trưởng nếu xuất thân từ khoa mục, quan phẩm mà có độ tuổi từ 60 trở lên thì được ưu tiên miễn trừ đóng góp nhiều khoản trong Giáp, nếu Giáp trưởng 50 tuổi thì được miễn một nửa, những người chưa đến 50 không có khoa mục thì không được áp dụng lệ này.

Bên cạnh quyền lợi, Giáp trưởng cũng phải có trách nhiệm với chức nhiệm được giao, nếu không sẽ bị làng xử phạt. Theo lệ làng Đông Ngạc (TP. Hà Nội), nhiệm vụ của Giáp trưởng là “luân phiên giám sát việc thờ cúng”, “tổ chức tang ma”. Giáp trưởng cùng thành viên trong Giáp có trách nhiệm tham gia bàn luận cùng Xã trưởng các công việc trọng đại của làng như công việc tuần phòng, dự bồi tế vào các lễ thượng điền, hạ điền, lập khoán ước. Lệ làng Mộ Trạch (TP. Hải Phòng) quy định “Khi có việc quan trọng, Giáp trưởng cùng với quan viên văn thuộc, phiên trưởng của xã khi nghe 3 hồi trống phải tập trung đầy đủ ở đình làng, ngồi theo đúng thứ tự, đồng tâm bàn bạc, không được ngồi xa cách mọi người, né tránh bàn luận, oán trách bừa bãi,

nói năng lung tung”. Nếu vi phạm mà bị phát hiện “Giáp trưởng, phiên trưởng phạt trâu rượu trị giá 1 mạch tiền cổ và phạt thêm gà, rượu trị giá 3 mạch tiền cổ để nghiêm hương ước” (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 478).

Hỗ trợ giúp việc cho Giáp trưởng là các chức *Đang cai* (có làng gọi là Câu đang, Câu đương hay Đương cai), làng Nguyên Khê (TP. Hải Phòng) gọi là Tri giáp (chức này được bầu từ thành viên giáp giàu có trong làng), làng Đông Ngạc gọi chung các chức này là hạng *trung nam...*; giữ chức vụ này có thể là một người hoặc nhiều người của Giáp. Theo lệ làng Trà Lôi (xã Việt Yên, Hưng Yên) yêu cầu tất cả các thành viên trong Giáp đều phải đảm nhận vai trò của Đương cai: “Bốn Giáp của bản thôn là Đông, Đoài, Bắc, Nguyên những công việc thờ cúng tại đình làng hằng năm, cứ thứ tự luân chuyển làm Đương cai mỗi giáp một năm để có sự chuyên trách” (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 301).

Một số làng, đặt ra 2 viên Khán: viên *Khán thủ* (khán nhất) có chức nhiệm trông coi công việc đình làng trong dịp hội làng; viên thứ hai kém hơn làm *Khán hai*: trông nom cầu cống ở mỗi xóm, hoặc vào mùa vụ thực hiện việc thu thuế ở Xóm và Giáp. Theo lệ làng Thượng Cát (TP. Hà Nội): làng có 4 Giáp, hàng năm mỗi Giáp cắt cử ra 2 viên Khán, trong 8 viên Khán đó cử người “đứng đắn” nhất (không tang trở, vợ chồng song toàn, con cái đề huề, không có dị tật, kinh tế khá giả, trường hợp có hai người như nhau thì chọn người nào có bố cao tuổi hơn) làm *Khán thủ* (khán nhất), người kém hơn làm *Khán hai*. Hai người này chuyên trông việc đình trong ngày hội làng, sáu người Khán còn lại trông nom ở cầu của các xóm (mỗi người một cầu). Nhiệm vụ của các Khán này là một năm, thời gian làm từ mùng 10 tháng hai năm trước đến ngày mùng 10 tháng hai năm sau, sau kỳ làm thôn khoán này, người đình nam đó coi như đã hoàn thành nghĩa vụ với làng, với Giáp, được làm lễ lên lão, lên ngôi các cụ, khi Giáp có việc uống thì được dự hoặc lấy phần về (Luu Minh Trị, 2019, t.2: 407). Ngoài Đương cai, còn chức *Cai đám*, thực hiện nhiệm vụ trông coi đồ tế lễ và sửa soạn, lau chùi đồ tế khí nơi đình, đền vào các dịp tế lễ. Theo quy định của một số làng, việc bầu “Cai đám” thường tổ chức ngay từ đầu năm mới, người được lựa chọn phải có phẩm cách tốt, tinh sạch, cẩn thận.

Chức Đương cai/Câu đang được cử ra nhằm thay mặt cho Giáp và cùng Giáp trưởng giao dịch thu xếp trước làng việc làm cỗ tế thần hay kỵ hậu. Đôi khi họ phải ứng trước các lễ vật, thậm chí phải chịu đựng các loại phí tổn phụ xung quanh việc làm cỗ tế như phục dịch, chịu cơm nước, củi lửa, bắc rạp, chuẩn bị trâu, nước.

3.3. Vai trò của Giáp

Trong các thế kỷ từ XVII - XIX Giáp là tổ chức xã hội mang tính chất tự nguyện nhóm họp, do đó Giáp giữ vai trò quan trọng là lực lượng nòng cốt tham gia vào các nghi lễ, mang tính văn hóa truyền thống của làng.

Thứ nhất: Giáp đi đón rước các tân Trạng nguyên, tân Tiến sĩ, Tào sĩ vinh quy về làng, hoặc tham gia lo yến tiệc và rước các vị thượng lão ra đình, tỏ rõ phong tục trọng lão cũng như tham gia các kỳ tiết lễ trong năm. Điển hình là hoạt động của Giáp các làng Đông Ngạc (TP. Hà Nội), làng Mộ Trạch (TP. Hải Phòng),... Tại điều thứ nhất bản *Khoán lệ đất danh hương* của làng Mộ Trạch ghi: Viên nào đỗ Tiến sĩ, hoặc trúng tuyển vào Đông các, thăng tước Quận công, thăng chức Thượng thư, đi sứ trở về, quan về hưu. Các Giáp chiếu theo số người trong Giáp mà thu tiền gạo để làm cỗ mừng, gồm một con lợn, một hũ rượu đáng giá 6 quan tiền sử, một mâm xôi được nấu bằng một trăm cân gạo nếp và chuẩn bị nghi trượng, hương án, cờ lọng, chiêng trống cho mười người đem đến chùa Vô Ngại huyện Đường Hào đón mừng. Các nghi trượng đó đều phải chỉnh tề, cho được mỹ quan, nêu được thịnh ý. Cũng theo lệ làng Mộ Trạch, những quan viên được giữ chức trong triều, khi được nhậm chức thì bản Giáp chiếu theo số người, thu tiền gạo làm cỗ mừng. Cỗ gồm: 1 con gà trị giá sáu mạch tiền sử, một mâm xôi được nấu bằng năm mươi thăng gạo nếp, một bình rượu trị giá sáu mạch tiền sử. Đồng thời chuẩn bị hương án, cờ lọng đến chùa xã Thị Cũ đón mừng như người mới được nhậm chức (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 452).

Thứ hai: Giáp tổ chức nghi lễ của làng: vai trò chính, chủ yếu nhất của Giáp đối với làng là việc tham gia vào các tiết lễ. Trong làng xã cổ truyền Việt Nam, đời sống tín ngưỡng của nhân dân rất phong phú, đa dạng. Sự đa dạng đó thể hiện rất rõ ở nhiều tiết lễ thờ phụng được diễn ra quanh năm, gồm các tiết lễ như mừng năm mới, thờ Thần Phật, Tiên thánh, ngày Phật đản, tết Đoan dương, lễ Hạ điền, Thượng điền (kết thúc mùa vụ), tiết Trung nguyên, lễ cầu lúa tốt, lễ cơm mới, lễ cầu phúc, cầu được mùa... Việc thực hiện các nghi lễ tùy thuộc quy định của từng làng mà giao cho một số tổ chức xã hội cụ thể thực hiện, hoặc yêu cầu kết hợp cả Giáp, Tư văn và thành viên trong làng đứng ra tổ chức. Như vậy, hầu hết các tiết lễ ấy đều có sự tham gia của các Giáp. Giáp, nhất là Giáp đăng cai tham gia vào từ khâu chuẩn bị, mua sắm, chỉnh biện, trông coi cỗ bàn, sửa soạn nơi hành lễ đến tổ chức đến thực hiện các tiết lễ của làng. Đối với những Giáp không đăng cai cũng phải có trách nhiệm gánh vác một phần công việc với Giáp đăng cai. Theo *Điều lệ xã Đám* (phường Yên Thắng, Ninh Bình) quy định tất cả các tiết lễ trong năm của xã đều giao cho các Giáp đứng ra lo liệu. Để có kinh phí, làng giao cho Giáp một số ruộng “Tế điền” (ruộng tế), các thành viên trong Giáp thay phiên nhau thực hiện cày cấy để lấy hoa lợi cho việc tế tự.

Nhưng không phải tiết lễ nào cũng trích từ hoa lợi “Tế điền” mà có những lễ tiết cần có sự đóng góp của các Giáp hoặc tất cả thành viên trong Giáp. Theo lệ làng Mộ Trạch, vào những dịp làng có mở hội để làm lễ cầu phúc, các thành viên trong Giáp từ 18 đến 60 tuổi cùng tham gia đóng góp tiền để chi vào việc nấu xôi cúng và thưởng thẻ trong châu hát. Về ngày vào đám (nhập tịch) và ngày tan đám (xuất tịch), lễ là quan viên văn thuộc, hoặc là con cháu các quan viên, đều phải mũ áo chỉnh tề, theo lệ mặc phẩm phục đi dự. Còn việc khiêng vác kiệu, hương án, cờ quạt, dù lọng nên phân bổ cho các hạng lo liệu (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 453). Trong điều lệ bổ sung năm 1690 về trách nhiệm của các Giáp trong việc đón rước các hạng Lão quan về làng, ngoài quy định cụ thể hơn về thời gian đón rước, mâm cỗ chuẩn bị, Hương ước làng Mộ Trạch cũng quy định thêm việc chi cho việc tổ chức này sẽ chia bổ đều đều *theo số hạng đình* trong Giáp đề: “Chuẩn bị gà xôi rượu để kính lễ các bậc tiên linh trong bản giáp. Lễ xong thì các lão cùng ăn uống vui vẻ. Việc chuẩn bị mâm lễ này, theo quy định của làng Mộ Trạch, các Giáp chiêu bổ theo nhân số để thu 10 quan tiền đồng, tiền sử giao cho Giáp đương cai mua một con lợn, một mâm xôi, một hũ rượu trị giá 4 quan tiền sử. Còn 6 quan tiền phân cho Giáp trưởng các Giáp mua sắm cỗ bàn mỗi mâm giá 3 mạch tiền sử, cộng tất cả 20 mâm (Đình Khắc Thuân (cb), 2006: 466-467).

Giáp còn tham gia vào việc tế nhạc trong các tiết lễ của làng thông qua vai trò của Giáp Nhạc. Giáp Nhạc được nhắc đến trong các tiết lễ với vai trò chính là làm lễ. Theo quy định của *Đông Ngạc xã tục lệ*: trong lễ rước xã giá Thần, Giáp Nhạc làm lễ tạ dâng trầu cau, vái 10 vái, tâu xin rước xa giá về, khi xa giá vào đến trong miếu Giáp Nhạc tâu xin an vị, Giáp Nhạc làm lễ cáo xin được an vị, lễ an vị vái 10 vái; trong lệ mặc áo châu: hội Giáp Nhạc mặc áo châu và đặt các đồ cúng tế, Giáp Nhạc tiến hành làm lễ cáo, vái 10 vái... (Viện nghiên cứu Hán Nôm, Ký hiệu A.2506).

Thứ ba: Giáp đứng ra tổ chức việc tang ma, hôn sự trong làng: theo tục lệ của làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam, khi gia đình ai đó trong làng có người chết ngoài thủ tục phải tường trình cho chức dịch hàng xã gồm Hương hội, Lý dịch biết để kê khai sổ tử, ngày đưa tang, tang chủ phải nộp một số tiền gọi là “lệ tang” cho làng. Tùy tang chủ đóng hạng nào chức dịch trong làng phân bổ người đi tống táng, đồ tùy, trống cờ phù hợp. Tuy nhiên, nhiều bản Hương ước quy định việc “tống tử” thuộc về trách nhiệm của Giáp, do đó bắt buộc tất cả các thành viên trong Giáp đủ 18 tuổi trở lên phải đi hộ táng, nếu không đi sẽ phải nộp tiền phạt sung vào quỹ Giáp như làng Cao Mỗ (nay thuộc Hưng Yên) bắt phạt 2 hào.

Để Giáp thực hiện lo việc hiếu, gia đình tang chủ phải có lời mời và kèm theo đó là sắm sửa lễ vật (gồm trầu, cau) dâng lên Giáp, đồng thời phải đóng tiền lệ táng để Giáp cất đặt đồ nghi, người đi tống táng. Theo bản *Từ ước giáp Đông Tân* (Ninh Bình) soạn năm Tự Đức 26 (1873),

gia chủ muốn mời Giáp tổ chức việc tổng táng thì phải “đem trầu cau mời bản Giáp gồm 30 khẩu trầu, 1 vò rượu, 3 mạch tiền (Đinh Khắc Thuân (cb), 2006: 617), khi đó viên Trùm trưởng sẽ đến bàn việc đưa tang với gia chủ, giao việc chấp hiệu cho các viên bản lệnh, còn nam nhân sẽ lo việc nhập quan đến dọn đường đưa tang; riêng viên Trùm trưởng sẽ chuẩn bị mai, bản lệnh chuẩn bị cuốc. Hoặc theo tục lệ Giáp Đông làng Nguyên Khê (TP. Hải Phòng) khi trong Giáp có người qua đời, tang chủ phải giải trình với Giáp trưởng xin cho dân phu tổng táng. Giáp trưởng chiếu xét lời thỉnh cầu của tang chủ để cắt cử dân phu tổng táng, không được từ nan để lâu (Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Hải Dương, 2023: 482). Đồng thời cắt cử các trung nam thực hiện nhiệm vụ ăn mặc mũ áo chỉnh tề đến trước nhà tang lễ kính vái tiễn đưa quan tài đến mộ phần, chôn cất xong lại rước chủ về nhà. Vì việc tang lễ là công việc trọng đại nên theo quy định các trung nam đã được cắt cử không được phép vắng mặt, nếu vắng phạt tiền. Theo lệ làng Mộ Trạch các trung nam bị phạt 36 văn tiền cổ.

Trong quá trình tổ chức tang lễ cho đến ngày kết thúc xong việc tang, trải qua nhiều công đoạn khác nhau, mỗi công đoạn gia chủ phải thêm kinh phí cho bản Giáp. Theo lệ xã Quảng Nạp (Ninh Bình), trước ngày đưa tang, gia chủ phải mời bản Giáp đến tế đường ăn uống, mỗi bản 4 người. Thịt lợn 6 món, các thứ khác đủ dùng. Đồng thời lúc nửa đêm có di chuyển quan tài, gia chủ phải đóng cho bản Giáp 3 mạch để sung tiền công quỹ. Khi chuyển linh cữu đến nơi an vị: gia chủ phải mời mỗi người trong giáp 1 phong trầu cau 3 khẩu, đến nơi hạ huyệt thì mời 1 vò rượu, 30 khẩu trầu. Sau khi đưa tiễn xong, gia chủ mời bản Giáp đến tế đường ăn uống: thịt lợn mỗi bản 12 miếng, thịt bò 10 miếng. Khi kết thúc đám hiếu, nếu gia chủ mổ lợn thì biếu Giáp 1 thủ lợn, nếu mổ bò thì biếu 1 khoanh cổ, bốn đấu gạo nấu xôi, 1 chĩnh rượu, 10 khẩu trầu (Đinh Khắc Thuân (cb), 2006: 617). Ngoài ra, Giáp còn tham gia vào việc tuần phòng bảo vệ trong các ngày hội làng; lúc mùa màng thời vụ và thường nhật thì tham gia trông coi thủy lợi thuộc nội đồng. Thậm chí theo lệ làng Lộc Dư (xã Thượng Phúc, TP. Hà Nội), bốn Giáp thay phiên đảm nhiệm việc đăng lính kiêm đảm trách là người quản lý và kiểm tra việc đi lính đó.

3.4. Thảo luận

Trên cơ sở tìm hiểu một số văn bản Tục lệ, Từ ước, Khoán ước, Hương ước vùng đồng bằng Bắc Bộ trước thế kỷ XX, có thể thấy Giáp tồn tại với tư cách vừa là một đơn vị hành chính dưới cấp xã, vừa là một tổ chức xã hội phổ biến, gắn bó mật thiết với đời sống của cộng đồng làng xã cổ truyền Việt Nam. Tên gọi của các Giáp được đặt khá đa dạng, vừa theo phương hướng và vị trí (phương vị), theo số thứ tự, vừa có sự kết hợp cả hai yếu tố trên (như Đông Giáp Nhất, Đông Giáp Nhì, Đông Giáp Nhứt, Đông Giáp Nhị); nhưng cũng có làng lại lựa chọn cách đặt tên tự do hơn, không còn theo quy định về phương vị và số thứ tự nữa, thể hiện sự linh hoạt và sáng tạo của cộng đồng.

Giáp là tổ chức xã hội tập hợp người theo lớp tuổi kết hợp có quan hệ huyết thống của nam giới. Tuy nhiên, trong các thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, Giáp không còn giới hạn trong phạm vi một dòng họ, mà có thể bao gồm nhiều tộc họ khác nhau, phù hợp với yêu cầu gắn kết cộng đồng, tăng cường tính cố kết làng xã. Điều đó là khá phù hợp với mục đích khơi dậy sức sống và vai trò của quan hệ tộc họ ở làng xã trong sự biến đổi ngày càng đa dạng nhưng cũng không phân phức tạp trong đời sống chính trị, xã hội cấp cơ sở lúc đương thời.

Ngoài các quy định rất cụ thể về giới tính, độ tuổi vào Giáp (không phổ biến ở tất cả các làng), Hương ước cũng quy định rất rõ điều kiện vào Giáp, mỗi thành viên phải có lời trình bày Trưởng giáp và phải đóng góp một “khoản phí” nhất định bằng tiền hoặc hiện vật phụ thuộc quy định của mỗi làng; phải đảm bảo các nguyên tắc sau: là nam đinh, cha ở Giáp nào con ở giáp đó và phải đóng góp tiền hoặc hiện vật (trầu cau).

Hương ước cũng quy định khá cụ thể về cơ cấu tổ chức của Giáp gồm người đứng đầu, bộ phận giúp việc. Những người đứng đầu Giáp thường được gọi là Giáp trưởng/Trưởng lệnh/ Giáp chỉ/

Trùm giáp hoặc Đầu giáp... Giúp việc cho Giáp là bộ phận chức Đương cai/ Cầu đang (hoặc gọi chung là hạng trung nam). Theo lệ của hầu hết các làng, người đứng đầu các Giáp thường là “người có uy tín, đức cao vọng trọng, đại diện cho Giáp đấu tranh đòi quyền lợi trước hợp dân hàng xã”, chỉ số ít làng ưu tiên những người trai đinh được đảm nhận chức vụ này.

Vai trò của Giáp được Hương ước phản ánh trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, hoạt động tín ngưỡng của làng xã, trong đó thực hiện trách nhiệm “phù sinh tổng tử”, đăng cai hay phối hợp với hội Tư văn, hội Lão để tổ chức các tiết lễ của năm như giao thừa đón năm mới, lễ Nguyên tiêu, Kỳ phúc, lễ Hạ điền, Thượng điền, Thường tân (cơm mới),... là vai trò chủ yếu nhất của Giáp. Một số Giáp còn tham gia chuẩn bị đón rước các tân Tiến sĩ vinh quy bái tổ nhưng số Giáp thực hiện vai trò này không nhiều.

4. Kết luận

Như vậy, Giáp là một thiết chế làng xã có tính chất kép, vừa mang chức năng hành chính dưới cấp xã, vừa là một tổ chức xã hội gắn bó chặt chẽ với đời sống cộng đồng. Sự đa dạng trong cách đặt tên, đối tượng tham gia làm thành viên của Giáp phản ánh rõ tính linh hoạt, thích ứng của cộng đồng làng xã trước những biến đổi xã hội từ thế kỷ XVII đến XIX, đồng thời cho thấy xu hướng mở rộng từ nền tảng huyết thống sang cố kết liên tộc họ. Với cơ cấu tổ chức ổn định, người đứng đầu Giáp có uy tín và phạm vi hoạt động rộng trên nhiều khía cạnh của đời sống xã hội, Giáp không chỉ góp phần duy trì trật tự, phong tục và sinh hoạt cộng đồng, mà quan trọng hơn, qua các hoạt động của mình Giáp đã góp phần quan trọng vào việc duy trì sự tự quản, tự trị của làng xã, đảm bảo sự tồn tại bền vững của làng xã trước mọi biến cố xã hội.

Tài liệu tham khảo

- Bé Quỳnh Nga, Nguyễn Trung Kiên. (2016). Đời sống hội nhóm ở nông thôn cổ truyền Bắc Bộ. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*. Số 2 (99).
- Diệp Đình Hoa. (1998). Giáp - tổ chức xã hội của giới nam của người Việt ở đồng bằng sông Hồng. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 4.
- Đình Khắc Thuân. (Chủ biên, 2006). *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Lưu Minh Trị. (Chủ biên, 2019). *Làng cổ Hà Nội*, t.1, 2. Nxb. Hà Nội.
- Nguyễn Tá Nhí. (Chủ biên, 2010). *Tư liệu Văn hiến Thăng Long Hà Nội tuyển tập Hương ước tục lệ*. Nxb. Hà Nội.
- Nguyễn Tá Nhí. (2013). *Hương ước cổ Hưng Yên*. Nxb. Thời đại.
- Nguyễn Tùng. (2015). Về tổ chức xã hội ở Việt Nam thời xưa. *Tạp chí Khoa học Xã hội*. Số 7 (203).
- Nguyễn Văn Huyền. (1966). Văn minh Việt Nam. Trong sách: *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam* (Nguyễn Văn Huyền, Đỗ Trọng Quang, Trần Đình). t.2. Nxb. Khoa học xã hội.
- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Hải Dương. (2023). *Tục lệ cổ Hải Dương*.
- Trần Từ. (1984). *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc Bộ*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Đông Ngạc xã điều lệ*. Ký hiệu A.2506.
- Vũ Duy Mên. (2012). Tổ chức hành chính và xã hội làng xã thời Lê (thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI). *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 11.
- Vũ Duy Mên. (2016). Hương ước trong việc quản lý làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*. Số 7.